

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến tre luồng tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Thương mại và Sản xuất Lang Chánh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy chế biến tre luồng tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá;

Xét Văn bản số 8368/STNMT-BVMT ngày 17/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến tre luồng tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1858/Tr-STNMT ngày 11/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến tre luồng (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Thương mại và Sản xuất Lang Chánh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật

Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến tre luồng của Công ty cổ phần Thương mại và Sản xuất Lang Chánh thực hiện tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại và Sản xuất Lang Chánh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Tân Phúc (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy chế biến tre luồng tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh,
tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Thương mại và Sản xuất Lang Chánh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy chế biến tre luồng.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần Thương mại và Sản xuất Lang Chánh.
- + Người đại diện: Chu Quang Vũ; Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 218, Tờ bản đồ số 123, Thôn Tân Tiến, xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi dự án

Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích khu đất là 31.972 m².

1.2.2. Quy mô, công suất dự án

- Quy mô công suất: 7.000.000 tấm/năm, tương ứng 25.000 tấn thành phẩm/năm.
- Loại hình dự án: Nhà máy chế biến tre luồng
- Công nghệ sản xuất:
Luồng nguyên liệu → Cắt khúc → Bỏ thanh → Chẻ nan → Dệt mảnh → Sấy khô → Nhập kho thành phẩm.
- Quy mô sử dụng lao động khoảng: 257 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình sản xuất chính của dự án: Nhà xưởng bở, chẻ, dệt mảnh (01 tầng, diện tích 3.277,89 m²); Nhà xưởng sấy mảnh (01 tầng, diện tích 860,17 m²); Nhà lò hơi (01 tầng, diện tích 977,40 m²); Nhà kho thành phẩm (01 tầng, diện tích 910,69 m²); Nhà cơ khí (01 tầng; diện tích 149,77 m²); Nhà cắt tre (có mái che di động 60 m²; 1 tầng).

- Các hạng mục công trình khác: Trạm cân (diện tích 60 m²); Văn phòng điều hành 183,21 m²; Nhà bếp ăn, căng tin 126,63 m²; Nhà vệ sinh chung 38,02 m²; Nhà bảo vệ 23,89 m²; Nhà để xe máy 145,8 m²; Trạm điện 25 m²; Trạm máy phát, máy bơm PCCC 63 m²; Trạm xử lý nước thải 84 m²; Khai thác nước ngầm, bể chứa 34,02 m²; Nhà chứa chất thải rắn và chất thải nguy hại 54 m²... và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- Hoạt động sản xuất của dự án: Chế biến tre luồng thành sản phẩm mảnh rèm với công suất 7.000.000 tấm/năm, tương ứng 25.000 tấn thành phẩm/năm.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát quang thực vật, san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân,... phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn... tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong các giai đoạn

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt 3,2 m³/ngày gồm: Nước thải vệ sinh 1,6 m³/ngày; nước rửa tay chân 1,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 13 m³/ngày. Thành phần chủ yếu cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng ngày lớn nhất 2.877,48 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng gồm: Lâm sản thu hoạch (thân luồng, keo) khoảng 216,63 tấn; thực vật phát quang khoảng 24,07 tấn; đất đào bóc từ quá trình đào bóc san gạt khoảng 43.259,5 m³; chất thải rắn từ xây dựng (đất, đá) khoảng 122,91 tấn; vật liệu thi công (sắt thép thừa, cốp pha, bao bì, ...) khoảng 26,6 tấn.

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... khối lượng khoảng 9,6 kg/giai đoạn thi công.

- Chất thải rắn nguy hại là dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa khoảng 88 lít/giai đoạn thi công.

3.1.5. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.1.6. Các rủi ro, sự cố môi trường

- Khu đất thực hiện dự án chủ yếu là diện tích đất rừng sản xuất của người dân xã Tân Phúc. Việc chiếm dụng diện đất rừng sản xuất của các hộ dân gây thiệt hại về thu nhập, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và tâm lý người dân.

- Dự án khai thác sử dụng nước dưới đất nguy cơ hạ thấp mực nước ngầm, sụt lún đất, ảnh hưởng hệ sinh thái địa phương, ...

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố thiên tai, mưa lũ trong quá trình thi công; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bom mìn tồn lưu; sự cố ngộ độc thực phẩm; sự cố dịch bệnh.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 13,15 m³/ngày (bao gồm nước thải vệ sinh là 5,58 m³/ngày đêm; nước thải tắm, rửa tay chân là 5,58 m³/ngày đêm; nước thải nhà ăn là 1,99 m³/ngày đêm), thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, ...

- Nước thải sản xuất gồm: Nước xả đáy lò hơi là 3,6 m³/lần vệ sinh; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải là 0,6 m³/lần vệ sinh.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng 5.567,89 m³/ngày, thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; từ quá trình bốc, dỡ, cất chẻ nguyên liệu; vận hành lò hơi; vận hành máy phát điện.... Thành phần chủ yếu: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂, ...

- Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn. Thành phần chủ yếu: H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 60,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì,...

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm: Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất (đầu mẫu, vỏ bào, dăm tre, ...) là 46,8 tấn/ngày; Chỉ đan thừa, lõi hỏng là 0,0015 tấn/ngày; Bụi, tro xỉ tại lò hơi là 0,45 tấn/ngày; Chất thải rắn từ hoạt động văn phòng (giấy, ...) 0,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ các công trình bảo vệ môi trường: Bùn thải hệ thống xử lý nước thải là 9,15 kg/ngày; Bùn thải từ quá trình hút bùn bể tự hoại, khơi thông cống rãnh là 9.000 kg/năm;

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có thành phần như: lá cây, giấy vụn... là 10 kg/ngày.đêm.

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Pin, ắc quy thải khoảng 2 kg/năm; Các linh kiện, thiết bị điện tử thải khoảng 3 kg/năm; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm dầu khoảng 15 kg/năm; Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm thành phần nguy hại khoảng 40 kg/năm; Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại khoảng 30 kg/năm.

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của dự án khoảng 70 lít/năm.

3.2.5. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,...

3.2.6. Các rủi ro, sự cố môi trường

Các rủi ro, sự cố môi trường: Sự cố chập điện, cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố mưa bão; sự cố mất điện, mất nước; sự cố khai thác nước ngầm; sự cố hư hỏng hệ thống thoát nước thải, các công trình xử lý nước thải...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Giai đoạn xây dựng

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt giai đoạn xây dựng: Bố trí 01 hố lắng thể tích 6,0 m³ (kích thước 2m x 3m x 1m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để thu gom, xử lý.

- Nước thải nhà vệ sinh: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động có 02 buồng để đảm bảo sinh hoạt của công nhân. Nhà vệ sinh di động có kích thước RxDxC = 120x220x280cm, dung tích 800 lít để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ.

- Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom, dẫn về 01 hố lắng tạm thể tích 6 m³ (kích thước 2m x 3m x 1m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để lắng lọc cùng nước thải rửa tay chân, tắm giặt. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, tưới đường dập bụi; phần còn lại thải ra mương thoát nước chung của khu vực dọc tuyến đường Tân Phúc – Văn Nho (phía Bắc Dự án).

- Nước mưa chảy tràn: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm thời có độ dốc về phía Tây Nam hướng ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Dùng xe xitéc 5,0m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xitéc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận và tuyến đường Tân Phúc – Văn Nho.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường; các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp dựng tường rào tạm cao 2m dài 400m xung quanh khu vực dự án, đặc biệt là vị trí tiếp giáp với tuyến đường Tân Phúc – Văn Nho dự án để giảm thiểu bụi khuếch tán.

4.1.3. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Trang bị ít nhất 05 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng; 50lít/thùng) tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Lâm sản thu hoạch (luồng, keo): Chủ dự án cam kết tạo điều kiện cho các hộ dân địa phương có đất sản xuất trong ranh giới dự án thu hoạch và bán cho các đơn vị thu mua.

- + Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật: Thu gom và hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- + Khối lượng đất đào từ quá trình hạ cos nền khu vực cao được tận dụng cho hoạt động đắp tôn nền đôi với vị trí trũng thấp trong ranh giới dự án.

- + Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá, ... được sử dụng để san nền và làm lớp lót sân đường nội bộ; vật liệu xây dựng (sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng) được thu gom lại và tận dụng bán phế liệu.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 04 thùng chứa (dung tích 60 lít/thùng) để chứa chất thải rắn nguy hại; 02 thùng phuy với dung tích 60 lít/thùng để chứa chất thải lỏng nguy hại; các thùng chứa phải có dán mã, nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định. Sau đó lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 05 m² đặt cạnh khu vực lán trại thi công;

- Định kỳ, Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường;

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

4.1.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, lâm sản, theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- Sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực thực hiện dự án, ...;

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 02 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

- Đối với sự cố hư hỏng đường xá, tuyến mương tiêu thoát nước khu vực ... Yêu cầu các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; thực hiện đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến các tuyến đường, mương tiêu thoát nước xung quanh dự án, ...

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn:

+ Thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, nước mưa chảy tràn bề mặt khuôn viên nhà máy theo cửa thu nước dẫn về hệ thống mương thoát nước mưa có các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra tuyến mương thoát nước dọc tuyến đường Tân Phúc - Văn Nho.

- Nước thải xả cặn từ hoạt động xử lý khí thải được thu gom dẫn về hố lắng 01 m³ để lắng cặn trước khi đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước khu vực nằm dọc tuyến đường Tân Phúc – Văn Nho.

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ trong 03 bể tự đặt ngầm tại Khu vực văn phòng điều hành (thể tích 15 m³), Nhà vệ sinh chung (thể tích 24 m³), Nhà bảo vệ (3 m³); Nước thải nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ thể tích 01 m³, kích thước D x R x C = 1x1x1 m; toàn bộ sau đó cùng nước thải rửa tay chân, tắm giặt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý

- Nước thải xả đáy nổi hơi (định kỳ theo nhà cung cấp) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m³/ngày đêm.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25m³/ngày đêm: Hố thu tách rác → Ngăn bơm → Bể điều hòa → Bể Anoxic →

Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương thoát nước khu vực dọc tuyến đường Tân Phúc – Văn Nho.

Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý được đầu nối thoát vào hệ thống mương thoát nước chung dọc tuyến đường Tân Phúc – Văn Nho, tọa độ điểm xả (*theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°*): X(m) = 2233812.3515; Y(m) = 522922.6888.

4.2.2. Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải

- Bụi, khí thải lò hơi: Thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải công suất 3.600 m³/h.

Quy trình xử lý: Bụi, khí thải lò hơi → Thiết bị tận dụng khói → Xyclone khô → Thiết bị xử lý bụi kiểu ướt → Môi trường.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân; thực hiện vệ sinh công nghiệp hằng ngày tại các khu nhà xưởng.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy: Bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy.

- Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải, tập kết chất thải rắn đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải lò hơi rà soát bảo dưỡng định kỳ, tránh phát tán mùi hôi ra môi trường, các thùng đựng rác phải có nắp và đưa đi xử lý hàng ngày.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- *Đối với rác thải sinh hoạt*: Phân loại tại nguồn theo quy định tại Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Trang bị và sử dụng các thùng rác loại 5 lít/thùng; 10 lít/thùng; 60 lít/thùng, 240 lít/thùng,...có nắp đậy bố trí trong các phòng chức năng, bếp ăn nhà căng tin, nhà điều hành, nhà vệ sinh chung và khu vực sân đường nội bộ. Bố trí đội vệ sinh thu gom hằng ngày về thùng chứa và bàn giao cho đơn vị thu gom.

- *Đối với chất thải rắn sản xuất:*

+ Chất thải rắn sản xuất (đầu mẩu, dăm tre luồng...) được thu gom, tập kết và tận dụng làm nguyên liệu đốt lò hơi.

+ Bao bì, bìa carton, chỉ thừa, bụi lò hơi, tro xỉ lò hơi, ... được thu gom và đưa đến kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 40 m² (ký hiệu HT-21/TMB, có vị trí tiếp giáp kho chứa chất thải nguy hại). Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét mương rãnh, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.4. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng lưu chứa chất thải nguy hại dung tích 60 lít/thùng có nắp đậy, dán nhãn mác, mã CTNH theo quy định.

- Bố trí kho chứa chất thải rắn và nguy hại có diện tích 14 m² (ký hiệu HT-21/TMB, có vị trí tiếp giáp kho chứa chất thải rắn thông thường); kho chứa có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hoặc máy móc thiết bị cần phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi cho vào hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân để các máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

4.2.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Sự cố cháy nổ: Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả; có phương án PCCC, tổ chức tập huấn, đào tạo và diễn tập cho đội PCCC của Công ty định kỳ 01 lần/năm.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Khi hệ thống gặp sự cố, nước thải được lưu tại bể điều hòa; sau khi khắc phục hệ thống bơm ngược lại về để xử lý. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải; bố trí các thiết bị dự phòng thay thế; xây dựng kế hoạch phòng ngừa sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; không bố trí khu vực phát sinh bụi, mùi, khí thải gần khu dân cư; đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu về QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 02: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

- Thực hiện quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.